

Bản án số: **213/2024/HNGĐ-ST**

Ngày: 19/8/2024

V/v *Hủy việc kết hôn trái pháp luật*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN SƠN, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Quan Thị Thu Trang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Trung Hiếu và ông Phạm Văn Ninh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Chung Duy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 164/2024/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2024 về việc “*Hủy kết hôn trái pháp luật*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 02/8/2024 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị **Giàng Thị L**, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Thôn N, xã K, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

* *Bị đơn:* Anh **Vàng Seo C**, sinh năm 1984. Địa chỉ: Thôn N, xã K, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* **UBND xã K, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.**

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ma Ngọc T - chức vụ : Chủ tịch UBND xã K, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

Các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Giàng Thị L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh V Seo Cú được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang ngày 08/3/2005. Sau khi kết hôn cả hai cùng chung sống tại thôn N, xã K, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Thời điểm đăng ký kết hôn chị chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định của luật Hôn nhân và gia đình, nhưng do thiếu hiểu biết pháp luật nên chị đã khai hôn tuổi

và đi đăng ký kết hôn. Sau đó chị và anh V Seo Cú được UBND xã K, huyện Y cấp cho Giấy chứng nhận kết hôn số 01 nhưng không ghi ngày. Thời gian đầu chung hạnh phúc, đến khoảng năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là bất đồng quan điểm sống, về kinh tế, cách nuôi dạy con cái, cả hai thường xuyên cãi chửi nhau. Chị và anh C bắt đầu sống ly thân từ năm 2022, trong suốt thời gian đó cả hai không còn quan tâm đến nhau, cuộc sống của ai thì người đó tự lo, không còn tình cảm với nhau. Do đó chị yêu cầu Tòa án giải quyết hủy kết hôn trái pháp luật giữa chị và anh Vàng Seo C.

- Về con chung: Chị và anh V Seo Cú có 03 con chung tên Vàng Thị D, sinh ngày 13/01/2006; Vàng Thị N, sinh ngày 17/02/2010 và Vàng Anh K, sinh ngày 09/09/2016. Khi hủy kết hôn trái pháp luật chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Vàng Thị N, yêu cầu anh C trực tiếp nuôi dưỡng con chung Vàng Anh K, cả hai không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Đối với cháu Vàng Thị D, hiện đã trên 18 tuổi, có khả năng nhận thức và lao động bình thường nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết;
- Về vay nợ, cho vay nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về án phí: Gia đình anh chị thuộc hộ cận nghèo, nên chị đề nghị Tòa án miễn toàn bộ tiền án phí cho chị.

Tại bản tự khai, quá trình giải quyết bị đơn anh V Seo Cú trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Giàng Thị L được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang ngày 08/3/2005. Sau khi kết hôn cả hai cùng chung sống tại thôn N, xã K, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Thời điểm đăng ký kết hôn chị L chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định của luật Hôn nhân và gia đình, nhưng do cả hai thiếu hiểu biết pháp luật nên đã cùng nhau đi đăng ký kết hôn. Sau đó anh chị được UBND xã K cấp cho Giấy chứng nhận kết hôn số 01 không ghi ngày. Thời gian đầu vợ chồng chung hạnh phúc, đến khoảng năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là bất đồng quan điểm sống, về kinh tế, cả hai thường xuyên cãi chửi nhau. Anh và chị L bắt đầu sống ly thân từ năm 2022, trong suốt thời gian đó cả hai không còn quan tâm đến nhau, cuộc sống của ai thì người đó tự lo, không còn tình cảm với nhau. Do đó nay chị L yêu cầu Tòa án giải quyết hủy kết hôn trái pháp luật giữa anh và chị Giàng Thị L thì anh nhất trí.

- Về con chung: Anh và chị Giàng Thị L có 03 con chung tên Vàng Thị D, sinh ngày 13/01/2006; Vàng Thị N, sinh ngày 17/02/2010 và Vàng Anh K, sinh ngày 09/09/2016. Khi Tòa án hủy kết hôn trái pháp luật anh đồng ý với yêu cầu của chị Giàng Thị L, thống nhất thỏa thuận:

Giao con chung Vàng Thị N cho chị Giàng Thị L là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh có trách nhiệm nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Vàng Anh K, cả hai không cấp dưỡng nuôi con chung khi ly hôn.

Đối với cháu Vàng Thị D, hiện đã trên 18 tuổi, có khả năng nhận thức và lao động bình thường nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết;
- Về vay nợ, cho vay nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về án phí: Gia đình anh chị thuộc hộ cận nghèo, đề nghị Tòa án miễn tiền án phí cho anh.

Quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã K, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang, người đại diện theo pháp luật ông Ma Ngọc T có ý kiến như sau:

Ủy ban nhân dân xã K, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang đã thực hiện đăng ký kết hôn cho chị Giàng Thị L, địa chỉ: Thôn N, xã K, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang và anh Vàng Seo C, địa chỉ: Thôn N, xã K, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 08/3/2005.

Thời điểm chị L, anh C đăng ký kết hôn, chị Giàng Thị L cung cấp thông tin cá nhân họ và tên Giàng Thị L, sinh ngày 01/02/1984. Do sơ suất không kiểm tra lại giấy tờ chứng minh nhân dân của chị L nên UBND xã K đã thực hiện việc đăng ký kết hôn cho chị L và anh C.

Sau khi Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn xác minh tại địa phương, qua quá trình rà soát lại sổ đăng ký kết hôn, đối chiếu với Căn cước công dân hiện tại của chị Giàng Thị L và Luật Hôn nhân và gia đình. UBND xã K nhận thấy thời điểm chị Giàng Thị L đăng ký kết hôn khi mới 16 tuổi 01 tháng 08 ngày. UBND xã K đã đăng ký kết hôn cho chị L, anh C không đúng quy định về độ tuổi đăng ký kết hôn theo Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Nay chị L đề nghị Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn hủy việc kết hôn trái pháp luật đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Xác minh tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện Y được Công chức Tư pháp xã cung cấp thông tin sự việc như sau: Qua kiểm tra sổ đăng ký kết hôn số 01/2004 ghi chị Giàng Thị L, sinh ngày 02/01/1986 và anh Vàng Seo C, sinh tháng 02/1984 đăng ký kết hôn ngày 08/3/2005 (đăng ký kết hôn lần 1). Đối chiếu với giấy tờ tùy thân hiện nay của chị Giàng Thị L, sinh ngày 30/01/1989 và quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 cho thấy thời điểm đăng ký kết hôn (ngày 08/3/2005) chị L mới 16 tuổi 01 tháng 08 ngày.

Tại Công văn số 1834/QLHC-Đ5 của Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh T về việc trả lời xác minh thông tin thể hiện: Qua tra cứu trong tàng thư căn cước công dân có tài liệu: Giàng Thị L, sinh ngày 30/01/1989, chứng minh nhân dân số 070761685 do Công an tỉnh T cấp ngày 14/11/2004, cấp lại ngày 03/3/2018.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS), xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách của người tham gia tố tụng; tiến hành tổng đạt các văn bản cho đương sự, gửi cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định.

Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định của BLTTDS. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của BLTTDS.

Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật giữa chị Giàng Thị L và anh Vàng Seo C.

Về con chung: Giao con chung Vàng Thị N, sinh ngày 17/02/2010 cho chị Giàng Thị L là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao con chung Vàng Anh K, sinh ngày 09/09/2016 cho anh V Seo Cú là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị L, anh C không cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Đối với cháu Vàng Thị D, hiện đã trên 18 tuổi, có khả năng nhận thức và lao động bình thường chị L, anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

- Về tài sản chung, vay nợ, cho vay nợ chung: Chị Giàng Thị L và anh V Seo Cú đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Chị Giàng Thị L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng do chị L là người thuộc hộ cận nghèo nên đề nghị miễn toàn bộ án phí cho chị L. Anh Vàng Seo C không phải chịu án phí. Chị Giàng Thị L và anh V Seo Cú được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, các quy định của pháp luật. Tòa án nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Nguyên đơn chị Giàng Thị L khởi kiện yêu cầu giải quyết hủy việc kết hôn trái pháp luật. Vì vậy quan hệ pháp luật là "Hủy việc kết hôn trái pháp luật" theo khoản 7 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Vàng Seo C có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở tại thôn N, xã K, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Do đó, căn cứ điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hội đồng xét xử nhận định:

- Về yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật:

Quan hệ hôn nhân giữa chị Giàng Thị L và anh Vàng Seo C là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 08/3/2005. Theo Công văn số 1834/QLHC-Đ5 của Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh T thời điểm chị L được cấp chứng minh nhân dân lần đầu là ngày 14/11/2004 (trước ngày chị L thực hiện việc đăng ký kết hôn tại UBND xã K). Căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ thu thập được đều thể hiện chị Giàng Thị L, sinh ngày 30/01/1989. Ngày 08/3/2005 chị Giàng Thị L đăng

ký kết hôn với anh V Seo Cú thì chị L mới 16 tuổi 01 tháng 08 ngày là chưa đủ tuổi kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, là bất đồng quan điểm sống, về kinh tế, cả hai thường xuyên cãi chửi nhau. Chị L và anh C bắt đầu sống ly thân từ năm 2022, trong suốt thời gian đó cả hai không còn quan tâm đến nhau, cuộc sống của ai thì người đó tự lo, không còn tình cảm với nhau. Nay chị Giàng Thị L yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật với anh Vàng Seo C. Do đó, căn cứ Điều 11, 12 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 2, 4 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Tòa án nhân dân tối cao - Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa chị Giàng Thị L và anh Vàng Seo C.

- Về con chung: Chị Giàng Thị L và anh V Seo Cú thống nhất thỏa thuận: Giao con chung Vàng Thị N, sinh ngày 17/02/2010 cho chị Giàng Thị L là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao con chung Vàng Anh K, sinh ngày 09/09/2016 cho anh V Seo Cú là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị L, anh C không cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Hội đồng xét xử xét thấy sự thỏa thuận của chị L, anh C là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên cần ghi nhận theo quy định tại Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Đối với cháu Vàng Thị D, hiện đã trên 18 tuổi, có khả năng nhận thức và lao động bình thường chị L, anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3]. Về tài sản chung, vay nợ, cho vay nợ chung: Chị Giàng Thị L và anh V Seo Cú đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

Chị Giàng Thị L phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Tuy nhiên do chị L thuộc hộ cận nghèo nên miễn toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm cho chị L. Anh Vàng Seo C không phải chịu án phí.

[6]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 7 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 235; Điều 238; Điều 266, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

Căn cứ khoản 6 Điều 3; Điều 11; Điều 12; Điều 81; Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014

Căn cứ khoản 2, 4 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Tòa án nhân dân tối cao - Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Giàng Thị L.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa chị Giàng Thị L và anh V Seo Cú theo giấy chứng nhận kết hôn số 01, không ghi ngày của Ủy ban nhân dân xã K, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

2. *Về con chung*: Giao con chung Vàng Thị N, sinh ngày 17/02/2010 cho chị Giàng Thị L là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao con chung Vàng Anh K, sinh ngày 09/09/2016 cho anh V Seo Cú là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị L, anh C không cấp dưỡng nuôi con chung. Chị Giàng Thị L và anh V Seo Cú có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. *Về án phí*: Miễn toàn bộ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm cho chị Giàng Thị L (do chị L thuộc hộ cận nghèo). Anh Vàng Seo C không phải chịu án phí.

4. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Yên Sơn;
- CCTHADS huyện Yên Sơn;
- UBND xã Kiến Thiết, huyện Yên Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Quan Thị Thu Trang